

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 131/2021/HS-ST
Ngày 30 - 11 - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh H Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

Nghề Nệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

Nghề Nệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở TMT, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 233/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2021/HSST-QĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn S**; sinh ngày 15 tháng 12 năm 2004 tại tỉnh KG; nơi đăng ký thường trú: Xóm 6 Biên, xã NT, huyện AB, tỉnh KG; lưu trú: ấp MH 4, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề Nệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn G và bà Danh Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: Bị Trưởng Công an xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số: 0015535/QĐ-XPHC, quyền số: AL 0000471 ngày 04/11/2020; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2021 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn). Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Nguyễn Hoàng P**; sinh ngày 05 tháng 4 năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp XTĐ 1, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề Nệp: công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H P và bà Nguyễn Thị Cẩm L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2021, đến ngày 09/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn S:*

1. Ông **Trần Văn G**, sinh năm 1984 - là cha ruột của bị cáo. (vắng mặt)

2. Bà **Danh Thị H**, sinh năm 1986 - là mẹ ruột của bị cáo. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp MH 4, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Huỳnh H C** - Chuyên viên Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hóc Môn. (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số: 2684/LĐTBXH ngày 29/11/2021 của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hóc Môn)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S:* Ông **Nguyễn Thanh G** - Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị hại:* Em **Nguyễn Đức Dung N**, sinh năm 2004. (có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1972 - là mẹ ruột của bị hại. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp HL, xã BD, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Em **Nguyễn Ngọc Khánh T**, sinh năm 2004. (có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Quốc T** - là cha ruột của em T. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: G49 ấp MH 2, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/01/2021, Nguyễn Hoàng P điều khiển xe gắn máy hiệu Honda C50, biển số: 51FB - 5881 chở Trần Văn S đi lòng vòng chơi. Trên đường đi, S rủ P đi giật điện thoại của người đi đường thì P đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi dừng đèn đỏ tại giao lộ đường Nguyễn Thị Sóc với Quốc lộ 22 thì cả hai phát hiện em Nguyễn Ngọc Khánh T điều khiển xe gắn máy chở em Nguyễn Đức Dung N ngồi phía sau, trên tay đang cầm điện thoại di động hiệu Oppo A71, màu trắng nên S nói P bám theo xe của T. Khi đến trước nhà địa chỉ: ấp TMT, xã TC, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh P điều khiển xe chạy lên áp sát bên trái xe của T để S dùng tay phải giật điện thoại di

động của N. Sau khi giật được, S bỏ điện thoại vào túi quần rồi nói P tăng ga bỏ chạy. Nghe tiếng tri hô của bị hại, ông Phạm Quốc T là người đi đường đã phát hiện và truy đuổi đến nhà thờ Tân Mỹ thuộc xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thì bắt giữ được P cùng phương tiện giao cho Công an xã TC lập biên bản xử lý, riêng S ngồi phía sau chạy thoát được. Qua truy xét, ngày 07/01/2021, cơ quan Công an đã mời S về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn S và Nguyễn Hoàng P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71, màu trắng trị giá 1.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 92/CT-VKS-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Hoàng P ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về phần dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị cáo Trần Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn S là bà Huỳnh H C không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Trợ giúp viên pháp lý ông Nguyễn Thanh G bào chữa cho bị cáo Trần Văn S xác định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo S phạm tội “Cướp giật tài sản”

là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: bị cáo S thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại Cơ quan điều tra và quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo S được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh tụng công khai, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố.

Tại Cơ quan điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào tối ngày 06/01/2021, bị cáo Trần Văn S đã rủ bị cáo Nguyễn Hoàng P điều khiển xe gắn máy hiệu Honda C50, biển số: 51FB - 5881 chở bị cáo S, bị cáo S đã đề nghị bị cáo P áp sát xe của bị hại Nguyễn Đức Dung N để bị cáo S thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71, màu trắng của bị hại tại trước nhà địa chỉ: ấp TMT, xã TC, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi sử dụng phương tiện xe gắn máy thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Bản cáo trạng số: 92/CT-VKS-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Hoàng P về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;”

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất Nặng trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo S là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo P là người điều khiển xe gắn máy giúp sức cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội, giữ vai trò thứ yếu, nên bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo P. Từ đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

5.1. Bị cáo Trần Văn S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo S có 01 tiền sự, bị Trường Công an xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số: 0015535/QĐ-XPHC, quyền số: AL 0000471 ngày 04/11/2020. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo S thuộc trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, theo xác minh tại Công an xã XTĐ huyện Hóc Môn cha mẹ bị cáo S là ông Trần Văn G và bà Danh Thị H không có không còn cư trú tại ấp MH 4, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, đi đâu làm gì không rõ; bị cáo S cũng không có nơi cư trú ổn định nên không có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5.2. Bị cáo Nguyễn Hoàng P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông nội của bị cáo là ông Nguyễn Văn C là người có công với cách mạng được trao tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo P có nơi cư trú tại 27/7E, tổ 13, ấp XTĐ 1, xã XTĐ, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên. Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo P có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để cảm hóa, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71, màu trắng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là em Nguyễn Ngọc Khánh T là phù hợp.

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda C50, biển số: 51GB - 5881, qua xác minh do ông Trần Quang đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông Quang khai đã bán cho ông Nguyễn H P là cha ruột của bị cáo P vào đầu năm 2021. Ông P không biết việc bị cáo P tự ý lấy xe thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả xe gắn máy trên cho ông P là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã được các bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng và không có yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được nhận lại tài sản. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án và người đại diện hợp pháp không yêu cầu bồi thường về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 38, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Trần Văn S**;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng P**;

Tuyên bố các bị cáo **Trần Văn S** và **Nguyễn Hoàng P** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn S** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/01/2021.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng P** 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/11/2021.

Giao bị cáo **Nguyễn Hoàng P** cho Ủy ban nhân dân xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo đang cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Nguyễn Hoàng P** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo **Nguyễn Hoàng P** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

(Bị cáo **Nguyễn Hoàng P** đã được giải thích về chế định án treo)

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo **Trần Văn S** thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn S và Nguyễn Hoàng P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hóc Môn;
- UBND xã NT, huyện AB, tỉnh KG;
- UBND xã XTĐ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trịnh H Hải